

Số: 06 /2020/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T. HUẾ	
ĐẾN	Số: 912
	Ngày: 24/7
	Chuyên:

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV, ngày 6 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ kinh phí hoạt động của các Chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội các xã đặc biệt khó khăn;

Xét Tờ trình số 5944/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố;



mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cụ thể như sau:

1. Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, gồm 10 chức danh:

- a) Văn phòng Đảng ủy;
- b) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- c) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- d) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- đ) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- e) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- g) Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
- h) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- i) Phụ trách Nhà văn hóa - Đài truyền thanh;
- k) Thủ quỹ.

2. Số lượng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- a) Đơn vị hành chính cấp xã loại 1 được bố trí tối đa 12 người;
- b) Đơn vị hành chính cấp xã loại 2 được bố trí tối đa 11 người;
- c) Đơn vị hành chính cấp xã loại 3 được bố trí tối đa 09 người.

3. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Văn phòng Đảng ủy	Hệ số 1,8 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	Hệ số 1,2 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	Hệ số 1,2 lần mức lương cơ sở/tháng
4	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Hệ số 1,2 lần mức lương cơ sở/tháng
5	Phụ trách Nhà văn hóa - Đài truyền thanh	Hệ số 1,2 lần mức lương cơ sở/tháng
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	Hệ số 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng
7	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	Hệ số 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng
8	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	Hệ số 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng
9	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Hệ số 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng
10	Thủ quỹ	Hệ số 0,9 lần mức lương cơ sở/tháng

4. Mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, thôn thuộc xã biên giới:

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	Hệ số 1,8 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Trưởng thôn	Hệ số 1,8 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Hệ số 1,4 lần mức lương cơ sở/tháng

b) Tổ dân phố và các thôn còn lại:

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	Hệ số 1,1 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	Hệ số 1,1 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Hệ số 0,8 lần mức lương cơ sở/tháng

5. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Khuyến khích việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm thêm chức danh không chuyên trách khác. Đối với chức danh Thủ quỹ phải bố trí Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm.

b) Người có quyết định kiêm nhiệm chức danh được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng bằng 70% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm.

6. Chế độ chính sách khác:

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, tổ dân phố có trình độ Đại học trở lên, hàng tháng được hưởng thêm hệ số 0,3 lần mức lương cơ sở.

7. Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố:

Đối với Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ; Chi hội trưởng Hội Nông dân; Bí thư Chi đoàn thanh niên ở thôn, tổ dân phố: Quy định mức bồi dưỡng 300.000 đồng/người/tháng từ đoàn phí, hội phí, kinh phí hoạt động khoán cho các đoàn thể, các nguồn quỹ khác (nếu có) và từ nguồn ngân sách hỗ trợ.

8. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã:

a) Đối với các xã miền núi, bãi ngang: 17,5 triệu đồng/tổ chức/năm.

b) Đối với các xã đồng bằng, thành phố: 15 triệu đồng/tổ chức/năm.



9. Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố:

a) Thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn: 03 triệu đồng/tổ chức/năm.

b) Thôn, tổ dân phố còn lại: 02 triệu đồng/tổ chức/năm.

10. Ngoài những chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được quy định tại khoản 1, Điều 1 nghị quyết này, các chức danh khác ở cấp xã, mức phụ cấp và các chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Các chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với chức danh khác đã được quy định tại Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh, nếu chưa có văn bản hướng dẫn chuyên ngành thay thế thì vẫn áp dụng các mức phụ cấp quy định tại Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

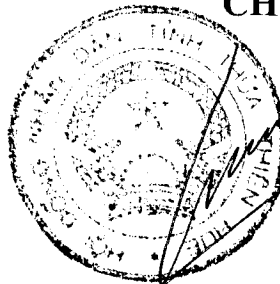
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Khóa VII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2020. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBTW Quốc hội; Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã và tp. Huế;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, TH6.

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu